ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19/2012/QĐ-UBND	*Tuy Hòa, ngày 16 tháng 8 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh và bổ sung giá đất tại một số đường, đoạn đường, khu vực và các đảo vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2012

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TT-BTNMT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2010 của liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 78/HĐND-KTNS ngày 08 tháng 8 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung thuộc dự toán ngân sách nhà nước năm 2012 và điều chỉnh bổ sung giá đất tại một số đường, đoạn đường, khu vực và các đảo vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 2297/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2012;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 269/TTr-STNMT ngày 13 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và bổ sung giá đất tại một số đường, đoạn đường, khu vực và các đảo vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2012, ban hành kèm theo Quyết định số 2297/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Ẩn

Phụ lục

DANH MỤC MỘT SỐ ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG, KHU VỰC VÀ CÁC ĐẢO THUỘC THÀNH PHỐ TUY HÒA, SÔNG CẦU, TUY AN, TÂY HÒA VÀ PHÚ HÒA THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIÁ ĐẤT VÀO BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2012

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 của UBND tỉnh)

I. Địa bàn thành phố Tuy Hòa

1. Tại trang số 11, thứ tự số 6 ghi: "*Đường Trường Chinh*", bổ sung thêm *"đoạn từ Trần Hào - An Dương Vương"*.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

6	**Trường Chinh**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Đoạn từ Trần Hào - An Dương Vương (Khu dân cư Công ty cổ phần xây dựng Phú Yên)	3.500			

2. Tại trang 15, thứ tự số 51 ghi: *"Đường Hàm Nghi (Đoạn từ đường nội bộ phía đông công viên Nguyễn Huệ - Lê Trung Kiên)"*, điều chỉnh thành: *"Đường Hàm Nghi (Đoạn từ đường nội bộ phía đông công viên Nguyễn Huệ - Nhà số 15 Hàm Nghi)*".

3. Tại trang 17, thứ tự số 82 ghi *"Đường Hà Huy Tập (Đoạn từ An Dương Vương - Võ Trứ)",* điều chỉnh thành "*Đường Hà Huy Tập (Toàn tuyến)"*.

4. Tại trang 19, thứ tự số 8 ghi *"Đường Thăng Long"* bổ sung thêm: *"Đoạn từ giáp đường Sắt và đường 3 tháng 2 - Giáp xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa":*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

8	**Đường Thăng Long**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Đoạn từ giáp đường sắt và đường 3 tháng 2 - Giáp xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa	500	250	150	120

5. Tại trang số 18, thứ tự số 103 *"Các trục đường thuộc khu tái định cư phường 9"*, gạch ngang thứ nhất (-) ghi: *"Đường An Dương Vương (Đoạn từ đường Nguyễn Hào Sự - Đường quy hoạch 20m)",* điều chỉnh thành: *"Đường An Dương Vương (Đoạn từ đường Nguyễn Hào Sự - Đường quy hoạch 16m phía Tây ô phố A)"*.

6. Tại Mục I, Phần A bổ sung thêm thứ tự số 104 *"Đường Phan Đăng Lưu (Đoạn Hùng Vương - Trần Suyền)*.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

104	**Phan Đăng Lưu:**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Đoạn Hùng Vương - Trần Suyền	2.000	1.200	800	500

7. Tại Mục I, Phần A bổ sung thêm thứ tự số 105 "*Đường Quy hoạch rộng 6m thuộc khu dân cư phía đông đường Quy hoạch số 1 (Đoạn từ đường Nguyễn Thái Học - Đường Quy hoạch số 1).*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

105	**Đường Quy hoạch rộng 6m thuộc khu dân cư phía Đông đường Quy hoạch số 1**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Đoạn từ đường Nguyễn Thái Học- Đường Quy hoạch số 1.	1.300			

8. Tại Mục I, Phần A bổ sung thêm thứ tự số 106 *"Đường Quy hoạch số 1 thuộc khu dân cư phía đông đường Quy hoạch số 1 (Đoạn từ đường Quy hoạch rộng 6m – Cần Vương)"*.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

106	**Đường Quy hoạch số 1 thuộc khu dân cư phía Đông đường Quy hoạch số 1**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Đoạn từ đường Quy hoạch rộng 6m- Cần Vương	2.500			

9. Tại Mục I, Phần A bổ sung thêm thứ tự số 107 *"Đường Trần Quốc Toản (Đoạn từ đường Nguyễn Huệ - Hẻm số 17 Lê Lợi)"*.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

107	**Đường Trần Quốc Toản**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ - Hẻm số 17 Lê Lợi	3.000	1.500	1.000	700

10. Giá các loại đất thuộc đảo Hòn Lau Dứa và Hòn Than, xã An Phú:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

TT	**Tên đảo**	**Loại đất**				
		ONT	HNK	CLN	RSX	NTTS
1	Hòn Lau Dứa (Toàn đảo)	70	8	9	7	7
2	Hòn Than (Toàn đảo)	70	8	9	7	7

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các đảo được xác định bằng 60% giá đất ở.

Lý do điều chỉnh:

- Do quá trình cập nhật biên tập, in ấn có thiếu sót tại một số vị trí, tuyến đường. Ngoài ra còn có phát sinh thêm một số tuyến đường chưa có trong Bảng giá các loại đất năm 2012 do mới được đầu tư xây dựng.

- Đối với giá đất tại đảo Hòn Lau Dứa và Hòn Than, xã An Phú từ trước tới nay chưa có trong Bảng giá đất hàng năm, nay bổ sung để phục vụ cho công tác bồi thường và giao đất, cho thuê đất.

II. Địa bàn thị xã Sông Cầu

1. Tại trang số 24, số thứ tự 29 ghi:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

29	**Khu dân cư Sân khấu lộ thiên** (Sau khi hoàn thành)	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Trục đường rộng 14 mét				
	Khu H (từ lô H17 đến lô H29), I (từ lô I02 đến lô I14 và từ lô I17 đến lô I29) và J(từ lô J07 đến lô J16): không tổ chức đấu giá, mục đích để tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa khi thực hiện dự án trên địa bàn các phường nội thị	500			
-	Trục đường rộng 14 mét còn lại	1.500			
	Khu A (từ lô A19 đến lô A20 và từ lô A03 đến lô A18), khu B (từ lô B21 đến lô B42 và từ lô B24 đến lô B41), khu C (từ lô C17 đến lô C18 và lô C01, từ lô C03 đến lô C16 và lô C19 đến lô C34), khu D (từ lô D16 đến lô D17 và từ lô D16 đến lô D32), khu E (từ lô E1 đến lô E2 và từ lô E03 đến lô E14), khu F (từ lô F1, từ lô F10 đến lô F11 và lô F22 và lô F2, F9), khu J (từ lô J1 đến lô J6), khu G (từ lô G11 đến lô G12 và lô G21 và lô G22 và từ lô G13 đến lô G20); Khu H (từ lô H15 đến lô H16); khu I (từ lô I15 đến lô I16 và lô I01)				
-	Trục đường rộng 16 mét	2.000			
	Khu A (lô A1 đến lô A2), khu B (từ lô B1 đến lô B20 và B21 đến B23), khu D (từ lô D1 đến lô D15), khu E (từ lô E15 đến lô E30), khu F (từ lô F12 đến lô F21), khu J (từ lô I17 đến lô J21), khu G (từ lô G1 đến lô G10), khu H (từ lô h1 đến lô H14)				

Điều chỉnh thành:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

29	**Khu dân cư Sân khấu lộ thiên** (sau khi hoàn thành)	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Trục đường rộng 14 mét				
	Khu A (từ lô A1 đến lô A41), khu B (từ lô B9 đến lô B32), khu C (từ lô C1 đến lô C32), khu D (từ lô D6 đến lô D20) và khu I (từ lô I1 đến lô I32): không tổ chức đấu giá, mục đích để tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa khi thực hiện dự án trên địa bàn các phường nội thị	500			
-	Trục đường rộng 14 mét còn lại				

	Khu E (từ lô E1 đến lô E14), khu F (từ lô F1 đến lô F14), khu G (từ lô G6 đến lô G10) và khu H (từ lô H6 đến lô H10)	1.500			
-	Trục đường rộng 16 mét				
	Khu B (lô B1 đến lô B8), khu D (từ lô D1 đến lô D5), khu E (từ lô E15 đến lô E31), khu F (từ lô F15 đến lô F19), Khu G (từ lô G1 đến lô G5), khu H (từ lô H1 đến lô H5)	2.000			

Lý do điều chỉnh: Khi xây dựng Bảng giá đất năm 2012, địa phương xác định ký hiệu các lô đất căn cứ vào quy hoạch được phê duyệt. Nay thực hiện việc xác định ký hiệu các lô đất để giao đất tái định cư theo quy hoạch được phê duyệt. do đó, nay điều chỉnh ký hiệu các lô đất cho phù hợp.

2. Tại trang số 25, thứ tự số 32 *"Khu tái định cư Long Phước Đông, phường Xuân Phú*", ghi: *"Trục đường rộng 5 mét (Từ lô số 01 đến lô số 12)"* và *"Trục đường rộng 12 mét (Từ lô số 13 đến lô số 28)*" điều chỉnh thành: *"Trục đường rộng 5 mét (Từ lô số 01 đến lô số 13)*" và "*Trục đường rộng 12 mét (Từ lô số 14 đến lô số 26)*".

Lý do điều chỉnh: Khi xây dựng Bảng giá đất năm 2012, địa phương xác định ký hiệu các lô đất không đúng quy hoạch được duyệt. Nay thực hiện việc xác định ký hiệu các lô đất để giao đất tái định cư theo quy hoạch được phê duyệt. Do đó, điều chỉnh ký hiệu các lô đất cho phù hợp.

3. Tại trang số 40, thứ tự số 2.4 "*Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình*" ghi.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

2.4	**Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
		250	150	100	80

Điều chỉnh thành:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

2.4	**Đường lên hồ chứa nước Xuân Bình**	**Vị trí 1**	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**	**Vị trí 4**
-	Đoạn tiếp giáp Quốc lộ 1A đến hết Khu quy hoạch phân lô khu dân cư nông thôn	250	150	100	80
-	Đoạn tiếp giáp Khu quy hoạch phân lô khu dân cư nông thôn đến chân dốc ông Thắng	150	100	80	60

Lý do điều chỉnh: Tuyến đường này cũng chính là đường phân ranh giới giữa xã Xuân Bình và xã Xuân Lộc do đó, cần phân thành 02 đoạn có giá như tại thứ tự

số 1.5, trang 39 *"đường lên hồ chứa nước Xuân Bình, xã Xuân Lộc"* và phù hợp với điều kiện sinh lợi của đất.

III. Địa bàn huyện Tuy An

1. Bổ sung giá các loại đất thuộc các đảo Hòn Chùa và Cù Lao Mái Nhà xã An Hải.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

TT	Tên đảo	Loại đất				
		ONT	HNK	CLN	RSX	NTTS
01	Đảo Hòn Chùa (Toàn đảo)	80	8	9	7	7
02	Đảo Cù lao mái nhà (Toàn đảo)	80	8	9	7	7

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các đảo được xác định bằng 60% giá đất ở.

Lý do bổ sung: Từ trước tới nay chưa có trong Bảng giá đất hàng năm, nay bổ sung để phục vụ cho công tác bồi thường và giao đất, cho thuê đất.

2. Tại trang số 48, thứ tự số 2.4 "*Các đường liên thôn* " thuộc xã An Mỹ ghi:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

2.4	Các đường liên thôn	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đường từ QL1A đến đường cơ động				
+	Đoạn từ QL1A đến trạm y tế xã	1.500	1.000	500	30

Điều chỉnh thành:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

2.4	Các đường liên thôn	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đường từ QL1A đến đường cơ động				
+	Đoạn từ QL1A đến trạm y tế xã	1.500	1.000	500	300

Lý do điều chỉnh: Tại vị trí 4 nêu trên giá đất điều tra, khảo sát có giá 300.000 đồng/m^2 nhưng trong quá trình tổng hợp có sự sai sót. Do đó, điều chỉnh cho phù hợp.

IV. Địa bàn huyện Tây Hòa

Tại trang số 67, thứ tự số 5 *"Xã Hòa Phong"* , bỏ các gạch ngang (-) tại thứ tự số 5.3; bổ sung số thứ tự 5.6 *" Đường liên xã Bờ Kênh Nam"*.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

5.6	Đường liên xã Bờ Kênh Nam	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4

-	Đoạn từ giáp ranh Hòa Bình 2 đến cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1	250	200		
-	Từ Cầu Ga Mỹ Thạnh Đông 1 đến hết khu dân cư mới chùa Mỹ Quang	300	200		
-	Đoạn từ chùa Mỹ Quang đến giáp ranh xã Hòa Phú	200	150		

Lý do điều chỉnh: Do quá trình biên tập, cập nhật, địa phương có đưa vào 03 đoạn thuộc đường liên xã Bờ Kênh Nam nhưng khi tổng hợp không ghi thuộc Đường liên xã Bờ Kênh Nam mà ghi trong mục 5.3 *"Đường từ Nghĩa Trang đi Hòa Mỹ Đông theo kênh N4 đến bìa Núi Đất (mới)*". Do đó, nay điều chỉnh lại cho phù hợp.

V. Địa bàn huyện Phú Hòa

Tại trang số 60, thứ tự số 5.1, gạch ngang (-) thứ nhất ghi*: "Từ cầu Bình Hai đến UBND xã Hòa Trị"*, điều chỉnh thành *"Từ ranh giới xã Hòa An, Hòa Trị đến UBND xã Hòa Trị"*.

Lý do điều chỉnh: Trong quá trình cập nhật, biên tập, in ấn của địa phương có thiếu sót./.